

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST

Ngày 22/12/2023

"V/v ly hôn, nuôi con chung "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Dục

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Chủ - Cán bộ nghỉ hưu

Bà Nguyễn Thị Kim Huyền - Cán bộ phòng LĐ và TB xã hội

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2023/TLST - HNGĐ ngày 20/10/2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXX- HNGĐ ngày 24/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/12/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Chị Bùi Thanh H, sinh năm 1991

- Bị đơn : Anh Đặng A Anh, sinh năm 1990

- Người có QLVN liên quan: Cháu Đặng Bùi Anh A, sinh năm 2019

Người đại diện hợp pháp của cháu: Chị H – mẹ đẻ của cháu

Đều trú tại: ĐH, QV, Ân Thi, Hưng Yên

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu: Bà Đỗ Minh A – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hưng Yên

Chị H, bà A có mặt. Anh A Anh vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2023 và lời khai của chị H trình bày: Chị và anh A Anh có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào năm 2018. Sau khi lấy nhau chị về gia đình anh A Anh chung sống và sinh được 01 con là cháu Đặng Bùi Anh A. Thời gian đầu vợ chồng sinh sống hạnh phúc, sau khi sinh con một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do hai người có nhiều bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên dẫn tới cãi nhau sau đó anh A Anh không giải quyết được vấn đề mà đi nước ngoài nên

tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, ít nói chuyện, chia sẻ. Sau này anh A Anh về làm gần nhà nhưng vợ chồng thường xuyên cãi nhau không tìm được tiếng nói chung. Do mâu thuẫn nên chị không chung sống cùng anh A Anh nữa và sống ly thân khoảng 03 tháng nay không ai quan tâm đến ai. Kể từ thời gian ly thân anh A Anh cũng không tìm hay gọi điện nói chuyện với chị, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị H đề nghị Toà án giải quyết cho chị H ly hôn anh A Anh.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Đặng Bùi Anh A, sinh ngày 19/01/2019 hiện nay cháu đang ở với chị cùng ông bà ngoại.

Về tài sản, công sức, công nợ: Không yêu cầu giải quyết

Anh A Anh trình bày: Anh và chị H quen nhau khoảng 02 tháng, hai bên tìm hiểu rồi tiến tới kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã Quang Vinh vào ngày 04/5/2018. Sau khi kết hôn chị H về gia đình anh sinh sống cùng với bố mẹ anh. Quá trình sinh sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có một con chung là cháu Đặng Bùi Anh A sinh ngày 19/01/2019. Khoảng 03 năm trước vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn do nguyên nhân chị H chỉ thích làm theo ý mình, anh đã tham gia nhiều nhưng chị H không nghe vì thế vợ chồng anh cãi nhau, chị H đã bỏ qua đêm ở nhà bạn anh có gọi điện, nhắn tin thì chị H không trả lời sau đó anh nhún nhường đón chị H về vợ chồng chung sống bình thường được vài tháng thì chị H vẫn như vậy, anh đã bỏ qua, vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn căng thẳng nên 02 tháng trước anh và chị H ly thân nhau, thời gian này gia đình anh có sang gia đình chị H nói chuyện đề chị H về nhưng chị H không về. Đến nay chị H cương quyết ly hôn thì anh đồng ý. Tuy nhiên, ngày 24/11/2023 anh thay đổi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Đặng Bùi Anh A sinh ngày 19/01/2019 hiện nay cháu đang ở với chị H và ông bà ngoại. Anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không có yêu cầu chị H phải cấp dưỡng.

Về tài sản, công sức, công nợ: Anh A Anh có yêu cầu giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng là tiền. Tòa án đã yêu cầu anh A Anh nộp đơn yêu cầu phản tố và cung cấp những tài liệu chứng cứ giấy tờ thể hiện vợ chồng anh có bao nhiêu tiền nhưng anh A Anh không cung cấp được cho Tòa án và sau anh cũng không có yêu cầu giải quyết về tài sản.

Bà Nguyễn Thị Huế (mẹ đẻ của chị H) trình bày: hai anh chị quen biết nhau rồi tự nguyện kết hôn có đăng ký tại UBND xã Quang Vinh vào năm 2018, sau khi cưới chị H về ngay gia đình anh A Anh sinh sống. Quá trình sinh sống vợ chồng chung sống bình thường sau đó A Anh sang Nhật làm ăn chưa hết hạn hợp đồng đã về nước vào tháng 9/2022 các cháu sinh sống bình thường, mau thuẫn hay không bà không rõ, vài tháng trước chị H và anh A Anh về thưa chuyện là vợ chồng không ở được với

nhau, sau đó vợ chồng bà có sang nói chuyện với bố mẹ A Anh để khuyên anh A Anh và chị H nhưng không nghe. Nay chị H xin ly hôn gia đình hai bên không mong muốn nhưng có ở được với nhau hay không là quyền của chị H và anh A Anh.

Con chung: Vợ chồng anh A Anh chị H có 01 con chung Đặng Bùi Anh A sinh ngày 19/01/2019 hiện nay cháu đang ở với chị H và gia đình bà. Bà là giáo viên mầm non về nghỉ hưu còn sức khỏe nên đi làm tư nhân lúc nào đi thì đi, cháu Anh A ở với bà, công việc của chị H làm ca có lúc về muộn thì ở lại còn thường xuyên về nhà. Gia đình bà vẫn trông nom giúp cháu A khi chị H đi làm

Về tài sản, công sức, công nợ: Không nắm được

Ông Đặng Văn Đồng (bố đẻ của anh A Anh) trình bày: Chị H, A Anh đến với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Vinh năm 2018, sau khi cưới chị H về gia đình ông sinh sống, trong thời gian vợ chồng anh A Anh ở cùng ông. Quá trình chung sống anh A Anh và chị H có mâu thuẫn hay không ông không rõ, không thấy to tiếng. Đến tháng 01/2023 ông có nói chuyện với anh A Anh và chị H cho ra ở riêng để có trách nhiệm đến tháng 02/2023 thì có nói chuyện với ông là đã hết duyên, nên cũng không biết lý do để hòa giải. Đến tháng 5/2023 thì ra ở riêng thuê nhà trọ thỉnh thoảng mới về nhà chơi còn con thì gửi ông bà ngoại. Ông cũng đã gọi điện thoại nói chuyện với gia đình chị H để hòa giải nhưng không được từ đó bố mẹ chị H cũng không liên lạc gì với ông.

Về con chung: Vợ chồng anh A Anh, chị H có 01 con chung là Đặng Bùi Anh A sinh ngày 19/01/2019 hiện nay cháu đang ở với chị H và ông bà ngoại, cháu được chị H cho gửi ở Trường mầm non tư thục ở thị trấn Ân Thi sáng có xe đón, chiều có xe đưa về. Chị H nuôi con vẫn đảm bảo cháu phát triển bình thường. Hiện nay cháu còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của người mẹ. Việc làm bố làm mẹ thì ai cũng muốn nuôi con vì vậy đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Không nắm được

Tại biên bản xác minh với UBND xã Quang Vinh: Chị H, anh A Anh có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Vinh vào ngày 04/5/2018, quá trình sinh sống anh A Anh, chị H có mâu thuẫn hay không chính quyền địa phương không nắm được. Hiện nay chị H và anh A Anh đều làm công nhân còn làm ở đâu thì UBND xã không nắm được

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Đặng Bùi Anh A, sinh ngày 19/01/2019.

Tài sản chung: UBND xã không nắm được

Tại phiên tòa ngày 12/12/2023: Chị H, bà A có mặt, anh A Anh vắng mặt lần thứ 1 không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS, HĐXX hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 22/12/2023: Chị H, bà A có mặt, anh A Anh vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt anh A Anh. Còn chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh A Anh và nhận nuôi con chung, không yêu cầu anh A Anh phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Anh A, bà A có quan điểm: Do anh A Anh, chị H xác định không ở với nhau được nữa nên thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống anh A Anh, chị H thống nhất có 01 con chung là Đặng Bùi Anh A, sinh năm 2019. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh A Anh, chị H đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nguyện vọng được nuôi con của anh A Anh, chị H thể hiện trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ, là người bảo vệ quyền lợi cho cháu Anh A thì nhận thấy với điều kiện nuôi con chung, cả anh A Anh, chị H đều có công việc, có thu nhập, nhưng hiện nay cháu A đang ở với chị H, chị H vẫn đang đảm bảo tốt các điều kiện nuôi con phù hợp với lời khai của ông Đồng (bố anh A Anh) khẳng định chị H nuôi con đảm bảo cháu phát triển bình thường, hơn nữa cháu A còn nhỏ rất cần sự chăm sóc, bảo ban của người mẹ, vì vậy đề nghị HĐXX giao cháu A cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận về việc chị H không yêu cầu anh A Anh phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H.

*** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:**

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- **Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:** Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

- **Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:** Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- **Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:** Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về đường lối giải quyết:

- Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thanh H. Xử cho chị Bùi Thanh H được ly hôn anh Đặng A Anh

- Về con chung: Giao cháu Đặng Bùi Anh A, sinh năm 2019 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh A Anh phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh A Anh có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

+ Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị H, anh A Anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Chị H phải chịu án phí DSST theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh A Anh, chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào ngày 04/5/2018. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh A Anh, chị H là hợp pháp. Nay chị H có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh A Anh hiện đang sinh sống tại ĐH, QV, Ân Thi nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị H, anh A Anh xác định khoảng 03 năm trước, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, chị H xác định do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, còn anh A Anh xác định là do chị H chỉ thích làm theo ý mình, vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án anh A Anh xác định giữ người ở chứ sao giữ được người đi nên chị H kiên quyết ly hôn anh đồng ý ly hôn, sau đó anh A Anh lại không đồng ý ly hôn nữa, còn chị H vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, tuy nhiên Tòa án triệu tập anh A Anh đến để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ nhưng anh A Anh đều vắng mặt. Qua lời khai của ông Đồng (bố đẻ của anh A Anh), bà Huế (mẹ đẻ của chị H) xác định đầu năm 2023, anh A Anh, chị H nói chuyện với gia đình là đã hết duyên nên không ở được với nhau nữa, nhưng sau đó anh A Anh, chị H vẫn tiếp tục chung sống, đến tháng 9/2023 anh A Anh, chị H lại nói hết duyên, gia đình có hỏi lý do thì anh A Anh, chị H không nói, mặc dù gia đình hai bên đã phân tích, hòa giải nhưng anh A Anh, chị H không về ở được với nhau, đến nay anh A Anh không có biện pháp gì để khắc phục, níu kéo chị H về ở. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX nhận thấy hôn nhân giữa anh A Anh, chị H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh A Anh, chị H không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa, anh A Anh, chị H đã có thời gian dài mâu thuẫn mà không có biện pháp khắc phục do vậy

HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh A Anh, chị H có 01 con chung là Đặng Bùi Anh A, sinh năm 2019. Nay ly hôn, anh A Anh, chị H đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng của bậc làm cha, làm mẹ. Xét điều kiện thực tế để đảm bảo điều kiện nuôi con của chị H, anh A Anh nhận thấy: Chị H hiện đang làm công nhân của Công ty TNHH nhân lực quốc gia DAHASHI, thu nhập hàng tháng của chị H là từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng (Theo phiếu trả lương từ tháng 6-10 của công ty). Còn anh A Anh thì quá trình giải quyết vụ án trình bày làm hàn xì tự do lương tháng khoảng 15.000.000 đồng nhưng không giao nộp được tài liệu, chứng cứ nào để xác định thu nhập của bản thân. Hơn nữa, hiện nay cháu A đang ở với chị H và ông bà ngoại, cháu còn nhỏ, việc anh A Anh cho rằng chị H không có thời gian chăm con, tuy nhiên lấy lời khai của bà Huệ (mẹ chị H) khẳng định chị H vẫn chăm sóc con tốt, mặc dù có ngày chị H không về nhưng việc cháu A ở với ông bà ngoại từ trước đó bố mẹ cháu còn hòa thuận, đặc biệt ông Đồng (bố đẻ của anh A Anh) cũng khẳng định chị H nuôi con vẫn đảm bảo cháu phát triển bình thường. Hiện nay cháu còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để tránh việc xáo trộn trong sinh hoạt của cháu A, HĐXX giao cháu A cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh A Anh có quyền đi lại, thăm nom con chung không được ai ngăn cản. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh A Anh phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh A Anh, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân

sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thanh H được ly hôn anh Đặng A Anh

2- Về con chung: Giao cháu Đặng Bùi Anh A, sinh ngày 19/01/2019 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh A Anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H. Anh A Anh có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết

4 - Về án phí : Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0000701 ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị H đã nộp đủ.

5- Quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh A Anh có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT;
- VKSND + THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã Quang Vinh, Ân Thi, Hưng Yên;
- Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đồng Dục

